

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 24 - 02 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị H, sinh năm 1968.

- Bị đơn: Dương Văn P, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh C .

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2003 chị H và anh P được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Đốc vào ngày 28/02/2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2006). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Dương Thị Yến N, sinh 13/01/2004.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị H xác định trong cuộc sống hôn nhân vợ bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cãi với nhau, nên dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và không còn hạnh phúc, đời sống chung hiện nay không thể kéo dài.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh P; về con chung yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Lời trình bày của bị đơn Dương Văn P tại biên bản ghi nhận ý kiến người tham gia tố tụng ngày 09/01/2020, thể hiện: Anh P thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng sự thật.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh P xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do chị H tự ý bỏ nhà đi rồi yêu cầu ly hôn.

Nếu chị H về thì anh P đồng ý đoàn tụ trở lại, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn. Con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, anh P không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Lời trình bày của cháu Dương Thị Yến N tại biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 09/01/2020, thể hiện: Cháu N có nguyện vọng được sống với chị H (Lý do chị H quan tâm chăm sóc cháu nhiều hơn).

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị H xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh P mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H khởi kiện anh P về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và anh P có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân của chị H và anh P được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị H và anh P không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó xác định chị H và anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan

hệ hôn nhân này sẽ không đảm bảo hạnh phúc về sau, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh P là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2006 ngày 28/02/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

[4] Xét về con chung:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Dương Thị Yến N đã từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng được sống với chị H, do đó cần giao cháu Nhi cho chị H nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này và anh P phải tôn trọng quyền của con chung được sống với chị H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Chị H xác định đủ điều kiện nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh P cho rằng tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị H.

- Về hôn nhân: Cho chị Hồ Thị H được ly hôn với anh Dương Văn P.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dạy con chung tên Dương Thị Yến N, sinh 13/01/2004. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản anh P thực hiện quyền này và anh P phải tôn trọng quyền của con chung được sống với chị H.

Anh P có trách nhiệm giao cháu Dương Thị Yến N cho chị H nuôi dạy.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số: 0003085 ngày 31/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn S;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung